

Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

	Ước tính tháng 8 năm 2021	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 8 năm 2021	Tháng 8 năm 2021 so với tháng 7 năm 2021 (%)	Tháng 8 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 8 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	59,94	6.841,37	91,79	4,72	82,83
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	59,94	6.841,37	91,79	4,72	82,83
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	7.549,38	800.725,21	92,48	5,31	82,12
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	7.549,38	800.725,21	92,48	5,31	82,12
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	157,91	2.054,19	104,40	54,68	96,45
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	157,91	2.054,19	104,40	54,68	96,45
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	10.764,03	140.772,25	105,35	54,72	96,56
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	10.764,03	140.772,25	105,35	54,72	96,56
Hàng không	-	-	-	-	-